

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 02 năm 2021
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Giàng A Chu**.

2. Ông: **Lường Văn Hưởng**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyên đơn: Chị Cà Thị V, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Bản L, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bị đơn: Anh Quàng Văn T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Bản L, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lường Thị T1 - Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 10 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cà Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Quàng Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và sống chung với nhau từ năm 1999 đến ngày 25/7/2006 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên). Sau khi sống chung hai vợ chồng tôi sống hạnh phúc được 06 năm thì

xảy ra mâu thuẫn do anh T nghiện chất ma túy. Năm 2012 anh T bị bắt và thi hành án ở Hà Nội đến năm 2014 thì ra tù. Năm 2017 bị bắt và tạm giữ ở Công an huyện M đến năm 2019 thì ra tù. Từ năm 2019 đến nay tôi và anh T sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc sau này. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quàng Văn T.

Về con chung: Tôi và anh Quàng Văn T có 02 con chung là cháu Quàng Văn T2, sinh ngày: 10/01/2000; Cháu Quàng Thị D, sinh ngày 19/5/2004.

Về con chung tôi yêu cầu giải quyết như sau: Hiện tại cháu Quàng Văn T2, sinh ngày: 10/01/2000 đã đủ tuổi trưởng thành chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Quàng Thị D đang sống cùng tôi ở bản L, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Quàng Thị D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Quàng Văn T được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bà Lương Thị T1 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của chị Cà Thị V.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, Tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị V và anh Quàng Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và sống chung với nhau từ năm 1999 đến ngày 25/7/2006 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên). Sau khi sống chung hai vợ chồng tôi sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh T nghiện chất ma túy, thường xuyên vi phạm pháp luật và đi chấp hành án, không yêu thương vợ, con. Mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân, không còn chăm sóc quan tâm đến nhau. Nên áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu của chị V, tuyên xử cho chị Cà Thị V được ly hôn với anh Quàng Văn T.

Về con chung: Chị V, anh T có 02 con chung là cháu Quàng Văn T2, sinh ngày: 10/01/2000; Cháu Quàng Thị D, sinh ngày 19/5/2004.

Hiện tại cháu Quàng Văn T2, sinh ngày: 10/01/2000 đã đủ tuổi trưởng thành chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Quàng Thị D, hiện nay cháu đang ở cùng với chị Cà Thị V, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Quàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung, cháu D đang sống ổn định cùng mẹ từ khi vợ chồng chị V, anh T sống ly thân, cháu vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao cháu D cho chị Cà Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Cà Thị V không yêu cầu anh Quàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Chị Cà Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cụ thể:

+ Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Chị Cà Thị V là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 19/10/2020 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Cà Thị V và bị đơn anh Quàng Văn T. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án, tiến hành niêm yết công khai. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn anh Quàng Văn T không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2 đã tiến hành niêm yết công khai nhưng 02 buổi hòa giải anh Tâm không đến tham gia hòa giải. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt xét thấy bị đơn là anh Quàng Văn T đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không

có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời không có đơn phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo nội dung đơn xin ly hôn đề ngày 12/10/2020, lời trình bày của chị Cà Thị V tại bản tự khai 16/11/2020 cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2]. **Về hôn nhân:** Chị Cà Thị V và anh Quàng Văn T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn 25/7/2006 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Sau khi sống chung hai vợ chồng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do anh T nghiện chất ma túy, thường xuyên vi phạm pháp luật và đi chấp hành án. Đình đám cưới mâu thuẫn vợ chồng, từ năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh Tâm đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị V. Tuyên xử cho chị Cà Thị V được ly hôn với anh Quàng Văn T.

[3]. **Về con chung:** Chị V, anh T có 02 con chung là cháu Quàng Văn T2, sinh ngày: 10/01/2000; Cháu Quàng Thị D, sinh ngày 19/5/2004.

Hiện tại cháu Quàng Văn T2, sinh ngày: 10/01/2000 đã đủ tuổi trưởng thành chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Còn Cháu Quàng Thị D chị V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Thị D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Quàng Thị D đang sống ổn định cùng mẹ từ khi vợ chồng chị V, anh T sống ly thân, cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý và nguyện vọng của cháu D.

Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao cháu Quàng Thị D cho chị Cà Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Theo nội dung đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Cà Thị V không yêu cầu anh Quàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung:**

Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Cà Thị V không yêu cầu giải quyết. Cụ thể:

+ Tài sản chung; Tài sản riêng; Nợ phải trả; nợ lấy về của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn tại phiên tòa yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Cà Thị V là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Xét thấy chị Cà Thị V là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn áp phí, miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị V.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 2 điều 227, 228, 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Cà Thị V ly hôn anh Quàng Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Quàng Thị D, sinh ngày: 19/5/2004 cho chị Cà Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Quàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Không có, chị Cà Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị V.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho chị V biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã M, huyện Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân